|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT XUÂN LỘC  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**  Số: ……/KH-THCSNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Xuân Lộc, ngày 18 tháng 11 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý năm học 2021 - 2022**

**­­­­**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2020 về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014-QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21tháng 10 năm 2009của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Hướng dẫn số ....../SGDĐT-GDTrH ngày ...... tháng ....... năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai, V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Thực hiện Kế hoạch số ......./KH-PGD&ĐT, ngày ...... tháng ....... năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Trường THCS Nguyễn Trãi xây dựng kế hoạch Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý năm học 2021-2022;

**II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

***1. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường năm học* 2021-2022**

- Tổng số GV, NV, CBQL: 79

- Số lượng:CBQL 03; giáo viên 67; tổng phụ trách Đội 01; nhân viên 09

- Cơ cấu:Đội ngũ Giáo viên, nhân viên, CBQL nhà trường đủsố lượng giáo viên theo quy định 34 lớp x 1,9 = 65 giáo viên (đáp ứng yêu cầu của Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017)

Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số lượng  Đội ngũ | **Hiện có** | **Yêu cầu của CTGDPT 2018** | | |
| Thừa | Thiếu | Cần bổ sung |
| Cán bộ quản lý | 3 | 0 | 0 | 0 |
| Giáo viên | 67 | 2 | 0 | 0 |
| Tổ trưởng | 7 | 0 | 0 | 0 |
| Toán | 9 | 0 | 0 | 0 |
| Vật lý | 5 | 0 | 0 | 0 |
| Hóa học | 5 | 1 | 0 | 0 |
| Sinh học | 5 | 0 | 0 | 0 |
| Tin học | 4 | 0 | 0 | 0 |
| Thể dục | 6 | 1 | 0 | 0 |
| Ngữ văn | 9 | 0 | 0 | 0 |
| Lịch sử | 4 | 0 | 0 | 0 |
| Địa lý | 5 | 1 | 0 | 0 |
| GDCD | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Ngoại ngữ 1 | 6 | 2 | 0 | 0 |
| Ngoại ngữ 2 | 0 | 0 | 2 | 2 |
| Công nghệ | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Mỹ thuật | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Âm nhạc | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Trải nghiệm, hướng nghiệp | 0 | 0 | 2 | 2 |
| Nhân viên | 9 | 0 | 1 | 1 Văn thư |

**Nhận xét**: Đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018

***2. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý***

Trường THCS Nguyễn Trãi có 63 giáo viên đạt trình độ đại học và 4 giáo viên đạt trình độ cao đẳng. Bên cạnh ý thức tự học, nhà trường đã khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện để 4 giáo viên này đi học nâng cao trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, dự kiến sẽ tốt nghiệp đại học năm 2022.

Kết quả xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 21 xếp loại tốt (75%).

**2.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên**

- Điểm mạnh: Đủ số lượng GV giảng dạy CTGDPT mới; 94% GV đạt trình độ chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

- Điểm tồn tại, hạn chế:

Thiếu GV giảng dạy môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Nhà trường thừa 01 GV (gồm 01 GV dạy môn Thể dục; 01 GV dạy môn Hóa học; 02 giáo viên ngoại ngữ 2)

**2.2. Thực trạng cán bộ quản lý**

Điểm mạnh: Cán bộ quản lý của nhà trường là đội ngũ CBQL cốt cán

Điểm tồn tại, hạn chế: 01 phó hiệu trưởng trình độ tin học chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**2.3. Thực trạng đội ngũ nhân viên**

Điểm mạnh: Đội ngũ nhân viên trẻ có ý thức, trách nhiệm cao với công việc.

Điểm tồn tại, hạn chế: Thiếu nhân viên thiết bị và văn thư.

***3. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2021 – 2022 và những năm tiếp theo.***

Trong năm 2021 – 2022 và những năm tiếp theo cần tập trung giải quyết các vấn đề như sau:

+ Cử 02 giáo viên môn Tiếng Anh học bồi dưỡng Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp).

+ Sắp xếp giáo viên môn Hoá học và giáo viên môn Thể dục còn thừa được học bồi dưỡng chương trình môn Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

+ Sắp xếp thời khoá biểu hợp lý để hỗ trợ cho 04 giáo viên theo học lớp đại học vào ngày thứ 7, chủ nhật.

+ Tạo điều kiện để 01 phó hiệu trưởng theo học ở trung tâm tin học trên địa bàn xã và cử giáo viên tin học hỗ trợ..

**III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

***1. Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL dự báo theo lộ trình thực hiện CT GDPT 2018 cấp THCS***

Số lớp hiện có: 34 lớp(trong đó khối 6: 9 lớp, khối 7: 9 lớp; khối 8: 8 lớp; khối 9: 8 lớp)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học**  **Đội ngũ** | | | **Số lượng dự báo theo các năm** | | | | | **Ghi chú** |
| **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** | **2025-2026** |
| **Cán bộ quản lý** | | | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Hiệu trưởng | | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| **Giáo viên** | | | 67 | 67 | 67 | 67 | 67 |  |
| Ngữ văn | | | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |  |
| Toán | | | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |  |
| Ngoại ngữ 1 | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| Giáo dục công dân | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| Lịch sử và Địa lý | 4 | | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| 4 | | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| KHTN | 4 | | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| 4 | | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | Thừa 1 |
| 5 | | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| Công nghệ | | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Tin học | | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Giáo dục thể chất | | | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | Thừa 1 |
| Nghệ thuật | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| Môn học tự chọn (tiếng dân tộc/ ngoại ngữ 2) | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | Cử gv NN1 học bồi dưỡng NN2 |
| Hoạt động trải nghiệm | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | Phân công GV Thể dục, Hóa còn thừa phụ trách |
| Tổng phụ trách Đội TNTPHCM | | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **Nhân viên** | | |  |  |  |  |  |  |
| Nhân viên thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin | | | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nhân viên văn thư; kế toán; y tế và thủ quỹ | | | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nhân viên giáo vụ | | |  |  |  |  |  |  |
| Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | | |  |  |  |  |  |  |

***2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021 – 2022 và những năm tiếp theo đáp ứng CT GDPT 2018 cấp THCS***

Sắp xếp và cử giáo viên thừa đi đào tạo lại để đội ngũ giáo viên, nhân viên, CBQL đáp ứng tất cả các vị trí việc làm và thực hiện có hiệu quả chương trình GDPT 2018.

**IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

***1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở***

***2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở***

***3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018***

***4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018***

***5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018 cấp trung học cơ sở***

***6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ***

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP**

***1. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở***

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN CHO GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| HỌ VÀ TÊN | NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO | SỐ TIẾT TRONG TUẦN | KIÊM NHIỆM | GHI CHÚ |
| **Cán bộ quản lý** | | | | |
| Bùi Đình Cường | Quản lý chung | 2 tiết | Chủ tịch Công đoàn |  |
| Lê Bản | Quản lý hoạt động ngoài giờ | 4 tiết |  |  |
| Nguyễn Ngọc Liêm | Quản lý chuyên môn | 4 tiết |  |  |
| **Giáo viên** | | | | |
| Đinh Việt Khoa | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 19 tiết |  |  |
| Hoàng Văn Nam | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 2 tiết | TPT |  |
| Mai Thị Ánh Hiếu | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 19 tiết |  |  |
| Phan Xuân Quý | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 19 tiết |  |  |
| Tạ Xuân Đĩnh | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 19 tiết |  |  |
| Trần Duy Tuyến | Giảng dạy môn Giáo dục thể chất | 16 tiết | Tổ trưởng |  |
| Mai Thị Ánh | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 16 tiết | Tổ trưởng |  |
| Nguyễn Thị Hằng | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Ngọc Yến | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Tạ Thị Thu Hồng | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 18 tiết | Tổ trưởng CĐ |  |
| Trương Thị Hiền | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Bùi Minh Vương | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Đặng Hữu Tâm Thành | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Đặng Thị Vân Thùy | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Ngọc Băng Trâm | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Võ Thị Thanh Nhân | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Đặng Thị Diễm | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Đào Thị Hạnh | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Đinh Thị Dung | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Huỳnh Thị Cẩm Xuyên | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Duy Tâm | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Phạm Ngọc Lâm | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Phan Thị Ánh Tuyết | Giảng dạy Khoa học tự nhiên | 19 tiết |  |  |
| Hoàng Thu Trang | Giảng dạy môn Công nghệ | 19 tiết |  |  |
| Đào Thị Loan | Giảng dạy môn Công nghệ | 19 tiết |  |  |
| Bùi Thị Thu Hằng | Giảng dạy môn GDCD | 17 tiết | Trưởng BTTND |  |
| Lê Thị Kim Liên | Giảng dạy môn GDCD | 19 tiết |  |  |
| Hồ Văn Hoàng | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 19 tiết |  |  |
| Mai Thị Mỹ Phượng | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 18 tiết | Tổ trưởng CĐ |  |
| Quách Văn Thiện | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 16 tiết | Tổ trưởng |  |
| Đỗ Thị Thu Thủy | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 19 tiết |  |  |
| Hoàng Thị Thu Hà | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 19 tiết |  |  |
| Lê Thị Dân | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 19 tiết |  |  |
| Phí Thị Thu Phương | Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý | 19 tiết |  |  |
| Lê Thị Liễu | Giảng dạy môn Nghệ thuật | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn T.Phương Thúy | Giảng dạy môn Nghệ thuật | 19 tiết |  |  |
| Trần Thị Ánh | Giảng dạy môn Nghệ thuật | 19 tiết |  |  |
| Trần Thị Ngọc Tuy | Giảng dạy môn Nghệ thuật | 19 tiết |  |  |
| Hồ Thụy Ý Như | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Huỳnh Thị Nhung | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Lý Thị Thu Hà | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Chiến Bình | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Phi Bính | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Hương | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Trần Hồng Loan | Giảng dạy môn Ngữ văn | 16 tiết | Tổ trưởng |  |
| Trần Đại Nghĩa | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Trần Thị Dư | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Võ Thị Ngai | Giảng dạy môn Ngữ văn | 19 tiết |  |  |
| Huỳnh Thị Kiều Dung | Giảng dạy môn Tiếng Anh | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Kim Hồng | Giảng dạy môn Tiếng Anh | 19 tiết |  |  |
| Lê Thị Quý | Giảng dạy môn Tiếng Anh | 19 tiết |  |  |
| Đặng Phú Quốc | Giảng dạy môn Tiếng Anh | 19 tiết |  |  |
| Đặng Hoàng Dũng | Giảng dạy môn Tiếng Pháp | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Đình Chi | Giảng dạy môn Tiếng Pháp | 19 tiết |  |  |
| Đặng Hoà | Giảng dạy môn Tin học | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thành Quý | Giảng dạy môn Tin học | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Xuân | Giảng dạy môn Tin học | 19 tiết |  |  |
| Bùi Thị Ly Nơ | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Đoàn Thị Diễm Phương | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Lê Bản | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Lê Thanh Cẩm | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Dung | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Nguyễn Thị Lệ | Giảng dạy môn Toán | 16 tiết | Tổ trưởng |  |
| Phạm Chư | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Phạm Thị Hòa | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Phạm Thị Huyền | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Thổ Hùng | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| Tống Văn Công | Giảng dạy môn Toán | 19 tiết |  |  |
| **Nhân viên** | | | | |
| Nguyễn Văn Vân | Kế Toán |  | Tổ trưởng |  |
| Võ Thị Kim Chi | Y tế |  |  |  |
| Đặng Thị Thu Vân | Thư viên |  |  |  |
| Nguyễn Thị Ánh | Thiết bị |  |  |  |
| Lê Thị Sen | CNTT |  |  |  |
| Nguyễn Thị Ái | Phục vụ |  |  |  |
| Nguyễn Văn Thường | Phục vụ |  |  |  |
| Nguyễn Phi Hải | Bảo vệ |  |  |  |
| Nguyễn Thanh Chánh | Bảo vệ |  |  |  |

***2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018***

**BẢNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN**

**CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG** | **CÁCH THỨC BỒI DƯỠNG &THỜI GIAN THỰC HIỆN** | **CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN BỒI DƯỠNG** |
| Đối với CBQL (PHT) | 01 Phó hiệu trưởng học tập để nâng cao trình độ năng lực tin học, ngoại ngữ trong quản lý | Học ở trung tâm tin học thời gian tháng 9,10, 11 năm 2021 | Tạo điều kiện về thời gian cho các thầy cô được tham gia.  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| Đối với GV |  |  |  |
| BD nâng cao trình độ | Đạt chuẩn trình độ GV THCS hạng II | Tập trung BD trong các hè năm 2021, 2022 | Tạo điều kiện về thời gian cho các thầy cô được tham gia.  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| Sinh hoạt chuyên môn liên trường | Trao đổi chuyên môn, phương pháp giảng dạy, hỗ trợ đồng nghiệp | Xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm học. | Các thầy cô được sinh hoạt theo môn.  Các trường được đến dự sinh hoạt.  Thanh toán công tác phí và tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên tham dự |
| Tham gia các lớp tập huấn của Sở, Bộ | Nắm bắt được các nội dung tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. | Tập trung theo văn bản chỉ đạo của cấp trên | Tạo điều kiện về thời gian cho các thầy cô được tham gia .  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| Tổ chức Hội thảo về GD STEM, phương pháp giảng dạy chương trình tiếng Anh hệ 10 năm | Giúp GV xây dựng được các chủ đề STEM, Giúp GV sử dụng đúng phương pháp giảng dạy chương trình tiếng Anh hệ 10 năm. | Tổ chức theo cụm trường, theo chỉ đạo của PGD | Phối hợp với đội ngũ GV cốt cán để tổ chức hội thảo.  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| Đào tạo lại đối với giáo viên thừa | Đáp ứng vị trí việc làm thư viện, thiết bị đang thiếu. Dạy trải nghiệm, hướng nghiệp | Học tập trung trong hè, hoặc tham gia các lớp vừa học vừa làm, học trực tuyến… | Tạo điều kiện về thời gian cho các thầy cô tham gia.  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| Tổ chức tập huấn cho GV xây dựng KH GD môn học, KH bài học, KH kiểm tra đánh giá, tập huấn SGK mới | GV xây dựng và tổ chức thực được KH GD môn học, KH bài học, KH kiểm tra đánh giá, sử dụng hiệu quả SGK | Tổ chức học tập trung theo chỉ đạo của cấp trên, tổ chức sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn | Các thầy cô được sinh hoạt theo môn.  Phối hợp với đội ngũ GV cốt cán để tổ chức hội thảo.  Hỗ trợ một phần kinh phí từ kinh phí hoạt động của nhà trường |
| **Đối với Nhân viên** |  |  |  |
| Tham gia các lớp tập huấn của phòng, Sở | GV xây dựng và tổ chức thực được KH | Tổ chức học tập trung theo chỉ đạo của cấp trên, tổ | Tạo điều kiện về thời gian cho các nhân viên tham gia. |

**VI. PHÂN BỔ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG** | **CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN** | | | |
| NGƯỜI THỰC HIỆN | THỜI GIAN | KINH PHÍ | CƠ SỞ VẬT CHẤT |
| BD nâng cao trình độ | 02 GV tham gia học nâng chuẩn | Tham gia trong 02 hè của năm học 2021-2022, 2022-2023 | Cá nhân các thầy cô tham gia lớp học, Hỗ trợ một phần kinh phí (thanh toán công tác phí cho các thầy cô tham gia các lớp bồi dưỡng. | Có đầy đủ phòng, lớp học phương tiện học tập tại địa điểm học. |
| Sinh hoạt chuyên môn liên trường | Các thầy cô cùng chuyên môn | Theo kế hoạch của trường và của phòng GD | Thanh toán công tác phí cho các thầy cô tham dự. | Có đầy đủ phòng, lớp học phương tiện học tập tại địa điểm học. |
| Tham gia các lớp tập huấn của Sở, Bộ | Các thầy cô giảng viên do Sở GD mời.  Các GV tham gia lớp tập huấn | Theo kế hoạch của phòng GD và Sở GD | Thanh toán công tác phí cho các thầy cô tham dự. | Có đầy đủ phòng, lớp học phương tiện học tập tại địa điểm học. |

VII. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

***6.1. Nội dung và các chỉ số giám sát***

Bồi dưỡng nâng cao trình độ: Tổng số có 02 giáo viên tham gia, năm 2022 hoàn thành khóa học 01đ/c, năm 2023 hoàn thành khóa học 01 đ/c.

Sinh hoạt chuyên môn liên trường: Trao đổi, thảo luận chuyên môn gữa các trường trong huyện và thực hiện trong năm học

Tham gia các lớp tập huấn của Sở, Bộ: Các thầy cô có tên trong danh sách được cử đi tập huấn bồi dưỡng.

***6.2. Phân công thực hiện***

Hiệu trưởng tổng hợp nhu cầu và lập danh sách gửi lên cấp trên, giáo viên hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu

***6.3. Chế độ thông tin, báo cáo***

Cung cấp đầy đủ thông tin của những giáo viên tham gia các lớp tập huấn cho các lớp tập huấn, bồi dưỡng, thông báo kịp thời cho GV được đi tập huấn, bồi dưỡng( về thời gian, địa điểm, hình thức, nội dung, phương tiện)

Báo cáo lên cấp trên nếu có sự thay đổi về nhân sự hay nội dung bồi dưỡng, tập huấn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  -Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;  -Các Tổ CM, Tổ VP; CĐ; Đoàn trường;  -Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG** |